



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN  
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 8  
(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)**

**Hà Nội – 2023**

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT LỚP 8 <sup>1</sup>

#### 1.1. Năng lực mỹ thuật cấp THCS trong chương trình môn Mỹ thuật

Với ba nhóm năng lực được quy định trong chương trình môn Mỹ thuật ở Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên sẽ thấy có sáu năng lực tách biệt nhau được hệ thống lại qua bảng dưới đây:

QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MỸ
<p><b>Quan sát thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống.</li><li>– Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ.</li><li>– Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật.</li></ul>
<p><b>Nhận thức thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ.</li><li>– Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.</li><li>– Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống.</li><li>– Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo.</li></ul>
SÁNG TẠO VÀ ỨNG DỤNG THẨM MỸ
<p><b>Sáng tạo thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ.</li><li>– Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ.</li><li>– Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo.</li><li>– Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.</li></ul>
<p><b>Ứng dụng thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo.</li><li>– Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập.</li><li>– Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.</li></ul>
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THẨM MỸ
<p><b>Phân tích thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ.</li><li>– Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật.</li><li>– Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.</li></ul>
<p><b>Đánh giá thẩm mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình.</li><li>– Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.</li></ul>

<sup>1</sup> Tài liệu tham khảo: 27 CT môn học ban hành tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (đăng tại <https://bom.so/c9Xo4t>)

Chương trình môn mỹ thuật 2018 được quy định khái quát, không định hình cụ thể chi tiết các dạng bài, phân môn mà đưa ra yêu cầu cần đạt và nội dung chuyên môn. Nhìn tổng thể có thể thấy hai dạng hoạt động chính:

– Quan sát và nhận thức thẩm mỹ, phân tích thẩm mỹ và đánh giá thẩm mỹ thuộc nhóm hiểu biết về lí thuyết và phổ kiến thức mở rộng có thể sử dụng liên môn trong giáo dục phổ thông. Phần này được cụ thể hóa trong nội dung “Quan sát – nhận thức” và “Thảo luận – Ứng dụng” của từng bài. Giáo viên thực hiện tương đương với phân môn “thường thức mỹ thuật” trước đây.

– Sáng tạo thẩm mỹ và ứng dụng thẩm mỹ thuộc nhóm thực hành sáng tạo sản phẩm và sử dụng trong đời sống. Nhóm này có tiền đề là “Tìm ý tưởng – Thực hành – Luyện tập” trong các bài dạy.

### 1.2. Nội dung yêu cầu cần đạt đối với lớp 8

Dưới đây là nội dung chương trình quy định cho lớp 8. Giáo viên lưu ý, những phần gạch chân là nội dung quan trọng đã được biên soạn trong các bài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
<p><b>MỸ THUẬT TẠO HÌNH</b> <span style="float: right;">Tỉ lệ 40% = 14 tiết</span></p> <p><b><i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <u>Thu thập</u> được tư liệu, tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm.</li> <li>– <u>Phân biệt</u> được tính <u>tương trưng</u>, tính <u>biểu tượng</u> trong tác phẩm mỹ thuật.</li> <li>– Phân biệt được yếu tố <u>chính, phụ, trung gian</u>,... ở sản phẩm, tác phẩm.</li> <li>– Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo.</li> </ul> <p><b><i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <u>Vận dụng</u> được phong cách, bút pháp của một số trường phái nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.</li> <li>– Xác định và thể hiện được <u>điểm nhấn</u> trong thực hành, sáng tạo.</li> <li>– Thể hiện được phương <u>hướng chuyển động</u> của yếu tố tạo hình ở sản phẩm.</li> <li>– <u>Vận dụng</u> được yếu tố văn hoá <u>nghệ thuật truyền thống</u> của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo.</li> </ul> <p><b><i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới.</li> <li>– Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách, trào lưu, trường phái nghệ thuật (<u>Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện</u>,...).</li> <li>– Phân tích, so sánh được <u>sự tương đồng</u> và <u>khác biệt</u> giữa hai tác phẩm cùng phong cách, trường phái.</li> <li>– Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác</li> </ul>	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</i></b></p> <p><b><i>Thể loại:</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Hội hoạ</li> <li>– Đồ hoạ (tranh in)</li> <li>– Điêu khắc</li> </ul> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận:</i></b></p> <p><b><i>Thực hành</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.</li> </ul> <p><b><i>Thảo luận</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b><i>Định hướng chủ đề:</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật <u>hiện đại</u> Việt Nam và thế giới.</li> </ul>

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
phẩm mỹ thuật.	
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	Tỉ lệ 40% = 14 tiết
<p><b>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.</li> <li>– Nhận biết và hiểu được <u>tính tương trưng, tính biểu trưng</u> của sản phẩm, tác phẩm thiết kế.</li> <li>– Nhận biết được <u>tác động</u> của khoa học kỹ thuật đối với ngành nghề thiết kế.</li> <li>– Nêu được <u>ý tưởng cải tiến, thiết kế</u> sản phẩm, tác phẩm.</li> </ul> <p><b>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được <u>chi tiết hình ảnh làm trong tâm</u> cho sản phẩm.</li> <li>– Thể hiện được phương <u>hướng chuyên đông</u> của hoa văn, <u>hoa tiết</u> ở sản phẩm.</li> <li>– Sử dụng được <u>màu sắc tư thân</u> của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.</li> <li>– Biết vận dụng yếu tố văn hoá <u>nghệ thuật truyền thống</u> của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được <u>tính phổ biến</u> của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm.</li> <li>– Phân tích, so sánh được sự <u>tương đồng</u> và <u>khác biệt giữa hai sản phẩm</u>, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích.</li> <li>– Phân tích được <u>giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích</u> của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo.</li> <li>– Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật.</li> </ul>	<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</b></p> <p><b>Thể loại:</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Thiết kế công nghiệp</li> <li>– Thiết kế đồ hoạ</li> <li>– Thiết kế thời trang</li> </ul> <p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận:</b></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề:</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật thiết kế <u>hiện đại</u> Việt Nam và thế giới.</li> </ul>
CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP	Tỉ lệ 10% = 3,5 tiết
<p><b>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <u>Liệt kê</u> được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> <li>– Nêu được yếu tố <u>đặc trưng</u> của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> </ul> <p><b>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết được một <u>bài luận hoặc làm một đoạn Video clip</u>,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> <li>– Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.</li> </ul> <p><b>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</b></p>	<p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận:</b></p> <p>(Lựa chọn, kết hợp)</p> <p><i>Thực hành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình</li> <li>– Thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật tạo hình.</li> </ul> <p><i>Thảo luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> </ul>

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được <u>vai trò của kĩ thuật trong đời sống</u> văn hoá xã hội.</li> <li>– Nhận định được <u>lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân</u>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> <li><b>Định hướng chủ đề:</b> kĩ thuật tạo hình và ngành nghề.</li> </ul>

Ngoài ra, có 10% của 35 tiết dành cho kiểm tra đánh giá, tương đương khoảng 3,5 tiết cho cả năm học.

Với quy định này, các tác giả SGK có thể tự quyết định nội dung dạy học theo yêu cầu cần đạt, vì vậy có thể có sự khác biệt trong cách tư duy tổng thể. Đối với SGK Mĩ thuật 8 Cánh diều được chúng tôi xây dựng đồng bộ ở quy mô cấp học, có tính thống nhất rất và liền mạch, nhất là các nội dung giáo dục tích hợp, giáo dục phẩm chất.

## 2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT LỚP 8

### 2.1. Quan điểm tiếp cận, mục đích biên soạn sách giáo khoa Mĩ thuật lớp 8

01 – Sách **Mĩ thuật lớp 8** được biên soạn theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, bám sát nội dung dạy học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Thống nhất với thông điệp "Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống". Có thể cụ thể hoá các mục tiêu như sau:

02 – Tiếp nối với các chủ đề và cấu trúc thống nhất với bộ sách, đồng tâm về nội dung và tuyến tính về kiến thức theo quy định của bậc THCS.

03 – Nội dung hướng nghiệp cụ thể, rõ mục tiêu.

04 – Đặc biệt lưu ý các nội dung dạy học tích hợp như: tích hợp lịch sử mĩ thuật ở hầu hết các bài học; tích hợp giáo dục phẩm chất trong các hoạt động học; tích hợp các nội dung giáo dục mĩ thuật ở mức linh hoạt.

05 – Hình thành đồng thời và cân bằng các năng lực đặc thù với các năng lực khác bằng các hoạt động chính là khám phá, sáng tạo, thảo luận và ứng dụng. Quy trình đi từ khám phá tìm hiểu về cuộc sống qua các kênh thông tin liên kết và tích hợp giữa tư duy tìm ý tưởng, thực hành, luyện tập với tự lựa chọn sáng tạo.

06 – Giúp giáo viên và học sinh mọi vùng miền dễ dàng thực hiện nội dung dạy – học bằng những gợi ý lựa chọn về cách thức thực hành, không quy định cứng nhắc bài tập thực hành sáng tạo;

07 – Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ về lộ trình giảm rác thải nhựa và thông điệp môi trường toàn cầu, sách không sử dụng túi nilon, chai nhựa sử dụng một lần, xốp và các vật liệu có hại cho môi trường trong minh họa và triển khai dạy học.

### 2.2. Tóm lược các điểm mới của cuốn sách

Trên nguyên tắc giáo viên phải nắm được đặc điểm của cuốn sách để triển khai dạy học đúng định hướng, đạt chất lượng tốt nhất, chúng tôi tóm lược lại năm ý sau để cùng phân tích với các thầy cô.

#### 2.2.1. Các bài học trong sách Mĩ thuật 8 được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

– Mục tiêu của mỗi bài học là các biểu hiện cụ thể về mục tiêu năng lực theo thang năng lực Bloom với các động từ biểu hiện như hiểu được, làm được, nêu được,... Trong đó luôn xác định đầy đủ cả ba nhóm năng lực kĩ thuật được xác định trong chương trình môn kĩ thuật.

– Với cách thiết kế nội dung và cấu trúc các đề mục/hoạt động dạy-học đã thể hiện rõ định hướng các năng lực quan sát – nhận thức, tìm ý tưởng, sáng tạo, thảo luận, chia sẻ, là những năng lực thành phần đã được xác định trong chương trình môn học, biến hoạt động học của học sinh trở nên hoàn toàn chủ động.

– Sách thể hiện rõ từng chỉ báo các năng lực cần hình thành cho học sinh ngay trong các chủ đề học tập, trong cấu trúc bài và các nội dung hoạt động của học sinh ở từng bài, từng tiết học.

### ***2.2.2. Nội dung các bài học trong sách Kỹ thuật 8 tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập***

– Các chủ đề, bài học đều đặt ra những nội dung mở, không những gợi ý cho giáo viên khai thác sử dụng phương pháp dạy học mà còn giúp dễ dàng đổi mới phương pháp và hình thức dạy học.

– Chủ trương là các bài đều không định hình cụ thể một sản phẩm hay mô hình, quy trình cứng nhắc. Giáo viên luôn được quyền lựa chọn một phạm vi hẹp hơn nếu muốn đẩy sâu kiến thức cho học sinh. Đồng thời, dễ dàng mở rộng để phù hợp với hoàn cảnh và năng lực của học sinh theo vùng miền hoặc với nhóm học sinh có năng khiếu.

– Ngữ liệu học tập bao gồm cả tranh, ảnh có khả năng khơi gợi, kích thích ở học sinh trí tưởng tượng sáng tạo. Ví dụ, các hình ảnh về mô hình máy bay mô phỏng thiên nhiên, các sản phẩm minh họa của học sinh cùng lứa tuổi,...

– Trong từng nội dung bài học không quy định cứng nhắc một loại hình sản phẩm, vì thế giáo viên có thể phân cấp độ từ dễ đến khó (theo tiêu chí luôn phù hợp với mọi học sinh), giúp cho học sinh luôn được kích lệ trong trải nghiệm bài học.

– Từng bài học, từng nội dung được sắp xếp với nhiều câu hỏi mở giúp học sinh luôn ở trong tình huống có vấn đề, luôn được kích thích sự tìm tòi sáng tạo. Riêng với mục tìm ý tưởng sáng tạo, sách đã đi thẳng vào định hướng năng lực vốn thường bị coi nhẹ trong thực hành kĩ thuật. Sở dĩ chúng tôi chú trọng vấn đề này là vì việc xác định ý tưởng luôn đảm bảo khả năng chủ động sáng tạo, nắm bắt vấn đề từ gốc rễ, bằng tư duy logic thay vì bằng hành động thụ động.

– Đặc biệt, chúng tôi đã gợi ý các dạng thực hành để giáo viên và học sinh chủ động sử dụng họa phẩm sẵn có thay thế cho các họa phẩm và vật liệu quy chuẩn. Vì vậy các vùng miền khó khăn, thiếu thốn đồ dùng học tập vẫn có thể thực hiện đầy đủ mục tiêu cần đạt của chương trình. Ví dụ, thay vì dùng đất nặn tiêu chuẩn (phải mua), học sinh có thể dùng đất sét, bột nhào, củ quả,... Điều đó cho thấy cách tư duy biên soạn của chúng

tôi đã có bước chuẩn bị sao cho mọi hoàn cảnh đều có khả năng thực hiện được mục tiêu tối thiểu theo quy định của chương trình.

### ***2.2.3. Các bài học trong sách Mĩ thuật 8 tạo điều kiện cho học sinh tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn***

– Từng bài học đều gợi mở phương pháp thực hành và các chỉ dẫn chi tiết để học sinh tự giải quyết vấn đề sáng tạo và thực hành theo ý tưởng cá nhân, vì thế hoạt động thực hành được thú vị hơn. Ví dụ ở quy trình tìm ý tưởng, học sinh có thể độc lập lựa chọn phương pháp thực hành (bước 3) trước khi giáo viên tổ chức hướng dẫn thực hành.

– Sự phân chia thời gian cho thực hành luyện tập đủ quỹ thời gian cho hoạt động sáng tạo ít nhất một sản phẩm. Song song với các thực hành kĩ năng còn có các hoạt động thực hành trải nghiệm với xu hướng đóng vai, đặt mình vào bối cảnh của sự kiện trong bài học.

– Về vận dụng kiến thức vào cuộc sống, chúng tôi chủ trương đưa các kiến thức vào thực tiễn qua gợi ý loại sản phẩm tương đương hoặc hướng dẫn sử dụng sản phẩm vào cuộc sống.

### ***2.2.4. Các chủ đề, bài học trong sách Mĩ thuật 8 được biên soạn bám sát theo chương trình môn mĩ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018***

– Tổng thời lượng của sách được phân bố bao quát các nội dung (lí luận và lịch sử mĩ thuật, hội họa, đồ họa tranh in, điêu khắc, thiết kế đồ họa, thiết kế công nghiệp, thiết kế thời trang). Mạch nội dung được sắp xếp theo mức độ tăng dần ở các lớp. Riêng về tích hợp lịch sử mĩ thuật, chúng tôi đưa vào hầu hết các bài (có thể được) và tích hợp sâu trong hai bài 6 và 7 vì đây là nội dung rất quan trọng cho người học mĩ thuật. Từng mạch nội dung đều bao quát phổ rộng và đầy đủ theo quy định. Ví dụ, các chủ đề hội họa bao gồm vẽ chân dung, vẽ mẫu (hình họa), vẽ tranh đề tài; chủ đề điêu khắc có tượng và phù điêu; chủ đề tranh in có kĩ thuật in độc bản để in tranh và in sản phẩm thiết kế; chủ đề thiết kế tiến đến làm quen thiết kế mô hình và mô hình lắp ghép.

– Những nội dung dạy học cung cấp kiến thức cơ bản về các yếu tố, nguyên lí tạo hình lần lượt theo mục tiêu xác định ở mỗi bài học. Chúng tôi xây dựng các chủ đề dạy học phát triển theo yếu tố và nguyên lí tạo hình ẩn trong yêu cầu từng bài học. Hầu hết các kiến thức cơ bản của mĩ thuật mà trước đây dạy theo phân môn (như: vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ và in tranh, điêu khắc, thiết kế, lịch sử mĩ thuật,...) đều xuất hiện trong sách nên giáo viên sẽ thấy gần gũi.

### ***2.2.5. Các bài học trong sách thể hiện rõ yêu cầu tích hợp và phân hoá***

Với các nội dung giáo dục tích hợp, chúng tôi đã đưa vào các bài những nội dung tích hợp sâu trong mục quan sát, ứng dụng và ngay trong các chủ đề học tập. Ví dụ giáo dục di sản, môi trường, hướng nghiệp,...

Về mục tiêu dạy học phân hoá, chúng tôi đưa ra nội dung mở nên giáo viên có thể phân hóa học sinh trong lớp qua việc giáo sản phẩm có độ khó khác nhau. Giáo viên



được lựa chọn, tự đưa ra yêu cầu kết quả cuối cùng của bài tập trong phạm vi bài học sao cho phù hợp với đối tượng học sinh. Trong các nhóm câu hỏi gợi mở và thảo luận, chúng tôi xác định cấp độ khó cho từng câu hỏi để học sinh luôn chọn được câu trả lời phù hợp nhận thức và năng lực của học sinh. Một điểm quan trọng nữa là, chúng tôi sử dụng hình ảnh minh họa do chính lứa tuổi học sinh thực hiện hoặc chất lượng minh họa gần gũi, phù hợp với độ tuổi và tâm lí học sinh lớp 8, không sử dụng hình minh họa quá cao siêu vì dễ làm cho học sinh nản chí. Song với học sinh có năng khiếu, các em sẽ được mở rộng hiểu biết qua các phiên bản tác phẩm nổi tiếng thế giới và trong nước, được nói lên quan điểm của mình, được tự do tìm ý tưởng và quyết định hình thức sáng tạo.

### 2.2.6. Các bài học trong sách thể hiện yêu cầu về đổi mới đánh giá

Với đánh giá chẩn đoán, chúng tôi đã tích hợp trong nội dung khám phá để giáo viên có thể nắm bắt được kiến thức, kĩ năng của học sinh.

Với đánh giá kết quả, các nội dung quy định về chuẩn bị đồ dùng, nhất là qua hệ thống câu hỏi có chủ đích và các nội dung thảo luận, đánh giá về kết quả sản phẩm của bạn (đánh giá đồng đẳng), tự đánh giá về sản phẩm của bản thân. Ngoài các đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình), việc xây dựng phương pháp đánh giá thông qua các phần ôn tập và kiểm tra theo quy định về đánh giá tổng kết đã thể hiện một phần sự đổi mới đánh giá phù hợp với quy định của chương trình.

Với môn kĩ thuật, việc đánh giá định tính là cần thiết. Học sinh và giáo viên có thể tham chiếu các hình ảnh minh họa chuẩn để so sánh tương đối. Với đánh giá định lượng, các bài học thiên về kĩ thuật hoàn toàn có khả năng cho kết quả theo thang điểm mà chúng tôi đã thiết lập trong cấu trúc minh họa quy trình cũng như các gợi ý từ sách giáo viên.

Chúng tôi cũng chủ trương đưa ra phương thức đánh giá thành phần, hướng đến sự tiến bộ của học sinh thay vì đánh giá sản phẩm cuối cùng. Đây là quy trình đánh giá dựa trên thang năng lực Bloom.

## 2.3. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung

### 2.3.1. Về phân bố thời lượng của sách



– Sách có 15 bài học, hai nội dung hoạt động cuối kì với tổng số là 35 tiết. Phần kiểm tra đánh giá (theo quy định là 10% = 3,5 tiết) được lồng ghép vào cuối các bài tập để giao quyền chủ động cho giáo viên. Các chủ đề, bài học được phân phối theo 2 kì bao gồm cả hoạt động trung bày kết hợp ôn tập kiến thức, có tiếp nối các chủ đề, mạch nội dung từ lớp trước. Chủ trương của chúng tôi làm sao để sách Mĩ thuật 8 vừa có sự tiếp nối, tương đồng, vừa phát triển tuyến tính so với cuốn sách lớp 6 và lớp 7 về cấu trúc chung, phân bố mạch nội dung, đảm bảo giúp giáo viên và học sinh dễ dàng liên kết trực quan giữa các khối lớp, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi.

– Các bài học mới được thiết kế 2 tiết. Riêng bài 6, 7 tích hợp sâu lịch sử mĩ thuật Việt Nam và thế giới nên được thiết kế 3 tiết để phù hợp ngữ liệu dạy học vốn rất rộng.

Sách Mĩ thuật 8 vừa có sự tiếp nối, tương đồng, vừa phát triển tuyến tính so với sách ở các lớp trước về cấu trúc chung, phân bố mạch nội dung, đảm bảo giúp giáo viên và học sinh dễ dàng liên kết trực quan giữa các khối lớp, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi. Chúng tôi xác định ma trận chương trình của cấp học cho nhóm lớp 8 và lớp 9 ở cấp độ yêu cầu bài tập cao hơn về cả tư duy và kĩ năng thực hành.

### 2.3.2. Về nội dung chủ đề



#### Mục đích, ý nghĩa của các chủ đề

– Chủ đề *Di sản mĩ thuật* với các bài học mang tính kế thừa các di sản mĩ thuật của Việt Nam và thế giới. Ví dụ: nguyên lí bố cục trang trí (Bài 1); Thời trang Áo dài; hoa văn trang trí trên các phù điêu chạm khắc, đắp trong kho tàng mĩ thuật Việt Nam truyền thống và hiện đại. Các nội dung tích hợp giáo dục phẩm chất được quy định trong chương trình được lồng vào mỗi bài học.

– Chủ đề *Môi trường xanh* được biên soạn nhằm trang bị nội dung dạy học một số loại hình, phong cách mĩ thuật hiện đại. Bài 4 về nghệ thuật trang trí không gian ngoài trời (gắn với nghệ thuật sắp đặt), bài thiết kế trang trí bao bì bằng giấy có tích hợp bản vẽ cách gấp hộp và gắn với thông điệp về sự thay thế túi giấy và túi nhựa, túi nilon. Các bài đều tích hợp chủ đề giáo dục môi trường.

– Chủ đề *Mĩ thuật hiện đại* với hai bài học tích hợp sâu về lịch sử mĩ thuật thế giới

và Việt Nam. Các bài được phát triển nội dung ở phổ rộng về loại hình mỹ thuật nhưng nhẹ nhàng và có chọn lọc giúp học sinh dễ tiếp thu. Lựa chọn thể loại tranh tiêu biểu của thế giới làm bài tập thực hành.

– Chủ đề *Làm chủ yếu tố tạo hình* được thiết kế các bài tích hợp tìm hiểu nghệ thuật tranh in độc bản, vẽ tranh tĩnh vật để cung cấp kiến thức cơ bản của mỹ thuật nhằm đảm bảo hình thành năng lực mỹ thuật tốt nhất. Học tập, mô phỏng phong cách, kỹ thuật thể hiện yếu tố tạo hình trong hội họa phân điểm (điểm họa) trong nghệ thuật Ấn tượng.

– Chủ đề *Em làm nhà thiết kế* với chủ trương đưa học sinh khám phá nghệ thuật thiết kế và trang trí mô hình sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng. Mô hình máy bay có tích hợp xây dựng tư duy sáng tạo dựa vào mô phỏng thiên nhiên; tìm hiểu cách sắp xếp chữ để sử dụng vào thực tiễn; thiết kế và trang trí đồ dùng (qua bài chiếc mũ bảo hiểm) để khơi gợi tư duy sáng tạo, nhắc nhở ý thức tiết kiệm và gắn với giáo dục an toàn giao thông.

– Chủ đề *Hướng nghiệp* là chủ đề mới đối với bậc THCS, được thiết kế với hai bài học để tìm hiểu ngành nghề mỹ thuật tạo hình và khám phá vai trò của mỹ thuật (tạo hình) trong đời sống. Bài 14 được thiết kế thực hành dạng bài viết, bản trình chiếu hoặc video tùy theo thực tiễn địa phương và năng lực của học sinh các vùng miền khác nhau. Bài 15 sau khi khám phá vai trò của tác phẩm mỹ thuật trong đời sống, hoạt động thực hành sáng tạo yêu cầu thực hiện sơ đồ thể hiện vai trò của mỹ thuật tạo hình và tìm hiểu cơ hội ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.

### 2.3.3. Cấu trúc của một bài học

**Về tổng thể**, cấu trúc một bài học được thống nhất ở toàn bộ cuốn sách, thống nhất với sách lớp 6, lớp 7 và được hướng dẫn chi tiết trong sách giáo viên bao gồm cả gợi ý phương pháp và kỹ thuật dạy học.

**Thiết kế các hoạt động trong một bài như sau:**

Sau mục *Giới thiệu bài* (mở đầu), giáo viên triển khai chủ đề bài học và nêu mục tiêu bài học để định hướng cho học sinh là sang phần kiến thức mới với các cặp quan hệ biện chứng như: *Khám phá* với *Em có biết*; *Sáng tạo* với *Tìm ý tưởng*; *Thực hành* – *Luyện tập* với *Gợi ý phần Thảo luận* – *Ứng dụng* với *Em cần nhớ*. Cụ thể là:

– Mục *Khám phá (quan sát – Nhận thức)* thuộc kiến thức hiểu biết liên quan đến bài học từ cuộc sống đến nghệ thuật. Đây là mục có nhiều dữ liệu nhằm cung cấp, gợi mở

## 3. Cấu trúc một bài học chung cả bộ sách

	<b>QUAN SÁT – NHẬN THỨC</b>	Hoạt động khám phá, tìm hiểu nội dung thông tin bài học.
	<b>SÁNG TẠO</b>	Các bước tìm ý tưởng, thực hành bài tập.
	<b>THẢO LUẬN</b>	Trao đổi, thảo luận về nội dung học tập, sản phẩm thực hành.
	<b>ỨNG DỤNG</b>	Liên hệ, vận dụng sản phẩm và nội dung học tập vào thực tiễn.

cho học sinh. Tiêu mục *Em có biết* thực chất là việc cung cấp kiến thức được mềm hóa để học sinh không bị áp lực và được thiết kế với nền màu để gây chú ý cho học sinh.

– Mục *Sáng tạo* được chia thành 4 tiểu mục (tìm ý tưởng, thực hành, gợi ý và luyện tập). Chúng tôi chú trọng đến mục *Tìm ý tưởng* và coi đây là cách thức đưa học sinh vào suy nghĩ có chủ đích, giúp học sinh nói lên suy nghĩ của mình trước khi thực hành luyện tập. Về *Thực hành* sách giới thiệu quy trình thực hành để giáo viên đưa học sinh vào tìm hiểu quy trình thực hành, nhưng không áp đặt (các chi tiết được gợi ý cho giáo viên triển khai trong sách giáo viên). Các minh họa đa phần do học sinh lứa tuổi thực hiện nên gần gũi với nhận thức của học sinh, tránh được cảm giác sợ học của đa số học sinh ít năng khiếu; *Gợi ý* là mục đưa ra một vài cách làm hay mách nước cho học sinh như là cung cấp kĩ năng nên chúng tôi thiết kế riêng trên nền màu để tránh gò bó, áp đặt tư duy và kĩ thuật. Phần *Luyện tập* là phần quan trọng và rất đặc trưng của môn kĩ thuật. Nội dung là giao bài tập (ở dạng mở), đưa ra yêu cầu cụ thể cho học sinh để nhận biết. Nội dung thực hành luyện tập là để tạo ra sản phẩm mới nên chúng tôi thiết kế phần này với thời lượng trên lớp dành cho tiết thứ hai sau khi học sinh được tìm hiểu về các thông tin từ đời sống, tự nhiên và trong kĩ thuật. Đây là hình thức giao bài tập/luyện tập kết hợp giữa kĩ năng thực hành và thuyết trình về sản phẩm.

– Mục *Thảo luận* để trưng bày và giới thiệu, nói lên điều đã biết, đã làm, đảm bảo học sinh có thể phát triển tư duy phản biện, làm việc nhóm và thuyết trình nêu quan điểm cá nhân.

– Mục *Ứng dụng* với mục tiêu đưa bài học vào cuộc sống, vừa gợi ý vừa yêu cầu học sinh sử dụng hiểu biết và ứng dụng sản phẩm vào thực tiễn. Chúng tôi định hướng hai loại hình ứng dụng gồm: sử dụng kiến thức đã học được trong bài để ứng dụng vào trong học tập và cuộc sống; sử dụng chính sản phẩm đã tạo ra để phục vụ cuộc sống.

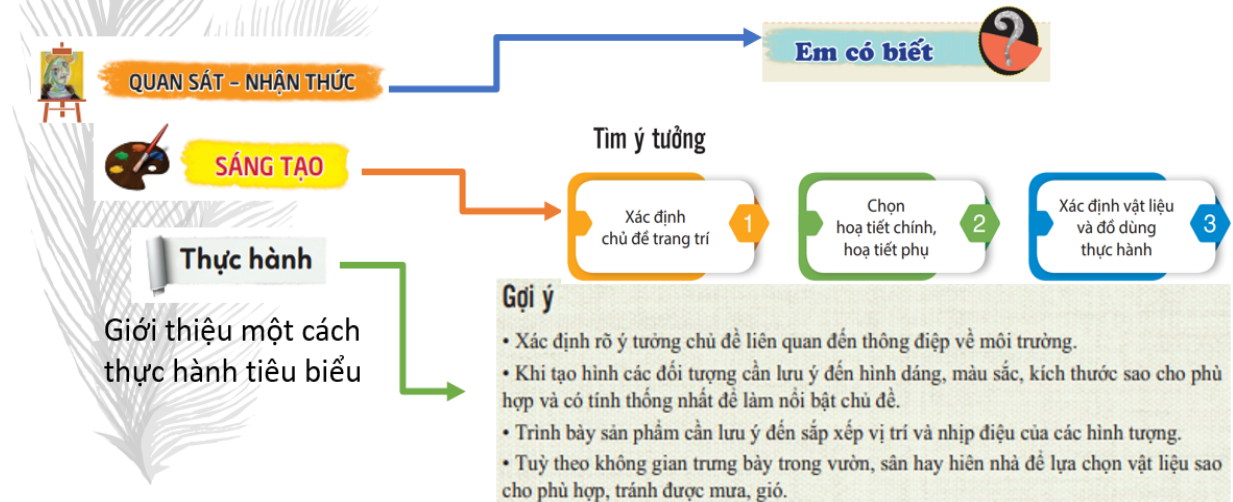
#### **2.3.4. Phân chia thời gian dạy học theo tiết**

## 5. Phân chia thời gian theo tiết học

(tiết thứ nhất)

**Mang cuộc sống vào bài học**

Là bước hướng dẫn học sinh khám phá kiến thức mới từ nghệ thuật, cuộc sống và các kĩ năng thực hành cơ bản

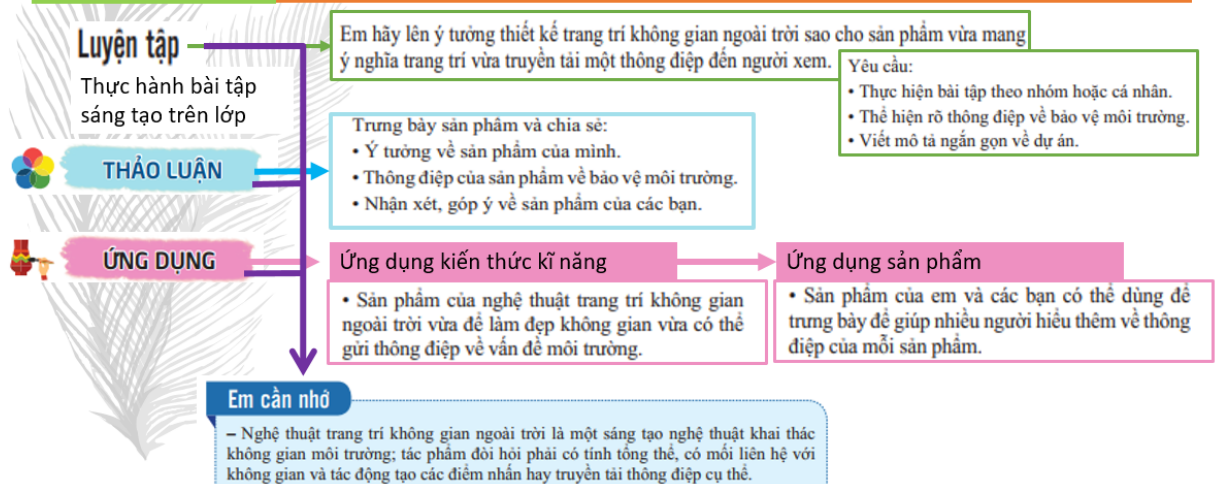


## 5. Phân chia thời gian theo tiết học

(Tiết thứ hai)

**Đưa bài học vào cuộc sống**

Là thực hành trực tiếp trên lớp sau khi đã được hướng dẫn quy trình sáng tạo; và thảo luận về sản phẩm và ứng dụng của nó.



### 2.4. Khung phân phối chương trình và điều chỉnh kế hoạch dạy học

Phân phối kế hoạch trong sách Mĩ thuật 8 là một ma trận được tính toán có sự liên kết ở cả cấp học, được phát triển đồng thời cả đồng tâm và tuyến tính. Trong đó, mạch nội dung hướng nghiệp là mới và được yêu cầu các hoạt động thực hành luyện tập theo hình thức mới nên có thêm các yêu cầu về sản phẩm dạng bài viết, trình chiếu hoặc video.

### 2.4.1. Khung phân phối chương trình

Chủ đề/ bài học		Tiế t	Nội dung (chính)	Hình thức	Tích hợp
<b>DI SẢN MỸ THUẬT</b>					
Bà i 1	Trang trí theo nguyên lí chuyển động	2	Tìm hiểu hoa văn trên sản phẩm; thực hành sản phẩm trang trí chuyển động	Cá nhân; nhóm	Hoa văn truyền thống các dân tộc.
Bà i 2	Thời trang áo dài Việt Nam	2	Lịch sử áo dài; kết hợp vẽ, tạo hình áo dài theo chủ đề có dạng hoa văn truyền thống.	Cá nhân, nhóm	Thời trang hiện đại.
Bà i 3	Thực hành nghệ thuật phù điêu	2	Giới thiệu nghệ thuật chạm khắc, nặn; chạm trở phù điêu bằng đất nặn/đất sét.	Cá nhân	Nghệ thuật chạm khắc gỗ.
<b>MÔI TRƯỜNG XANH</b>					
Bà i 4	Nghệ thuật trang trí không gian ngoài trời	2	Sử dụng vật liệu có sẵn để sáng tạo sản phẩm trang trí.	Cá nhân; nhóm	Nghệ thuật sắp đặt.
Bà i 5	Thiết kế trang trí bao bì bằng giấy	2	Hướng dẫn cách tạo hình, gấp hộp đựng bằng giấy; liên hệ bản vẽ thiết kế.	Cá nhân	Thương hiệu.
<b>LỊCH SỬ MỸ THUẬT HIỆN ĐẠI</b>					
Bà i 6	Tìm hiểu Nghệ thuật Hiện đại thế giới	3	Giới thiệu sơ lược phong cách và tác giả nghệ thuật hiện đại; áp dụng vào sáng tạo.	Cá nhân; nhóm	Lịch sử mỹ thuật.
Bà i 7	Tìm hiểu Nghệ thuật Hiện đại Việt Nam	3	Giới thiệu sơ lược phong cách và tác giả nghệ thuật hiện đại áp dụng vào sáng tạo sản phẩm	Cá nhân; nhóm	Lịch sử mỹ thuật.
	<b>Trung bày sản phẩm cuối kì I</b>	<b>1</b>	<b>Trung bày và giới thiệu được bài học</b>	<b>nhóm</b>	<b>Kĩ năng trung bày, giới thiệu.</b>
<b>LÀM CHỦ YẾU TỔ TẠO HÌNH</b>					
Bà i 8	Tranh in độc bản	2	Nhận biết bản in; hiểu nguyên lí in độc bản; in được theo kĩ thuật in độc bản.	Cá nhân	Lịch sử mỹ thuật, in độc bản.
Bà i 9	Vẽ mẫu có dạng khối trụ và khối cầu	2	Vẽ tĩnh vật dạng khối trụ, khối cầu bằng chì.	Cá nhân	Phối cảnh, không gian.
Bài 10	Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật ấn tượng	2	Tìm hiểu các phong cách của trường phái hội họa Ấn tượng; vẽ tĩnh vật theo phong cách hội họa Ấn tượng.	Cá nhân	Lịch sử mỹ thuật.
<b>EM LÀM NHÀ THIẾT KẾ</b>					

Bài 11	Thiết kế mô hình máy bay	2	Sơ lược lịch sử máy bay; thiết kế mô hình (máy bay) theo hình thức mô phỏng thiên nhiên	Cá nhân; nhóm	Mĩ thuật ứng dụng.
Bài 12	Nghệ thuật thiết kế chữ	2	Nhận biết đặc điểm, biến thể của chữ, sáng tạo kiểu chữ, vận dụng vào sản phẩm thiết kế.	Cá nhân; nhóm	Mĩ thuật ứng dụng.
Bài 13	Thiết kế và trang trí đồ dùng	2	Hiểu vai trò của trang trí trên đồ vật; Vẽ mẫu Trang trí (mũ bảo hiểm); thuyết minh về sản phẩm, thương hiệu.	Cá nhân	An toàn giao thông, thương hiệu.
<b>HƯỚNG NGHIỆP</b>					
Bài 14	Tìm hiểu ngành nghề kĩ thuật	2	Giới thiệu tên, đặc trưng một số ngành nghề liên quan đến kĩ thuật tạo hình; khung bài luận giới thiệu ngành nghề; hướng dẫn sáng tạo tranh.	Cá nhân; nhóm	Thuyết trình, video.
Bài 15	Vai trò của kĩ thuật tạo hình trong đời sống	2	Vai trò của ngành nghề, của tác phẩm kĩ thuật trong đời sống; thực hành khám phá, chia sẻ về ngành nghề.	Cá nhân; nhóm	Sơ đồ tư duy.
	<b>Trung bày sản phẩm cuối kì II</b>	<b>2</b>	<b>Trung bày và giới thiệu được bài học</b>	<b>nhóm</b>	<b>Kĩ năng trung bày, giới thiệu.</b>

#### 2.4.2. Giải thích về kế hoạch dạy học và khả năng điều chỉnh

Sách Mĩ thuật 8 được chia làm 17 bài bao gồm 15 bài học kiến thức mới và hai bài cho các hoạt động chuyên môn đặc thù cuối kì. Mạch nội dung quy định trong Chương trình kĩ thuật 2018 vừa độc lập, vừa tích hợp trong các chủ đề và bài học; định hướng nội dung là các kiến thức của môn học để đảm bảo hình thành đủ 3 năng lực kĩ thuật thành phần; phân tích hợp sử dụng ngữ liệu lịch sử kĩ thuật giai đoạn hiện đại tích hợp giáo dục phẩm chất. Các bài cơ bản được biên soạn độc lập về kiến thức nên theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách Mĩ thuật 8 Cánh Diều có thể dễ dàng điều chỉnh theo các ý sau:

- Nhà trường và giáo viên có quyền và có thể thay đổi vị trí của các bài sao cho phù hợp với chủ đề dạy học của nhà trường, của Phòng hoặc của Sở.
- Giáo viên hoàn toàn tự chủ về bài kiểm tra theo tiến trình bài. Song chúng tôi có gợi ý trong sách giáo viên một số phương án triển khai kiểm tra đánh giá.
- Giáo viên có thể thay đổi sản phẩm trong hướng dẫn quy trình sáng tạo nếu vẫn bám sát yêu cầu cần đạt của bài học.
- Giáo viên có thể thay đổi phương pháp dạy học phù hợp với bản thân và đối tượng học sinh nhưng cần đạt được mục tiêu kiến thức, kĩ năng của mỗi bài.
- Giáo viên tự chủ về hình thức ôn tập và kiểm tra đánh giá linh hoạt theo thời gian thực, không cần làm đề kiểm tra riêng mà lấy điểm ở bài phù hợp thời gian dạy học.

Chúng tôi khuyến khích xây dựng chương trình nhà trường và sẵn sàng tư vấn khi cần. Về cơ bản nên phát triển chương trình theo hướng dự án học tập. Trong thực hiện cần lưu ý đặc biệt đến yếu tố tích hợp liên môn, xuyên môn và song song giữa giáo dục phẩm chất với năng lực. Riêng về năng lực kỹ thuật chúng tôi tin là giáo viên sẽ nhìn thấy trong sách có cách thức dạy học phân hóa khá rõ nét.

Trong trường hợp các kiến thức tích hợp và các chủ đề học tập của các nhà trường hoặc địa phương được thiết kế riêng, chúng tôi khuyến khích các nhà trường phát triển chương trình nhà trường theo hướng xây dựng dự án học tập, kết hợp với chương trình giáo dục địa phương, lưu ý đặc biệt đến yếu tố tích hợp để tránh sự giống nhau về sản phẩm/bài học của học sinh giữa các vùng miền như giai đoạn trước. Trong đó hoạt động dạy và học kỹ thuật được bám theo các chủ đề như định hướng sách Kỹ thuật 8 mà chúng tôi đưa ra trong bản thảo này.

## **2.5. Định hướng về phương pháp dạy học**

Đối với môn kỹ thuật, giáo viên cần quan tâm đến các nhóm phương pháp dạy học khác nhau, trong đó có nhóm dạy học đặc thù là dạy học thực hành. Trước đây, mục tiêu dạy học kỹ thuật chỉ chú trọng vào thực hành bài tập thì quan niệm kết quả bài tập thực hành là tất cả, tuy nhiên nếu xét quy định như hiện nay thì Yêu cầu cần đạt đã rộng hơn. Giáo viên cần lưu ý đảm bảo đạt được đủ 6 năng lực kỹ thuật và 5 phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung khác đã quy định trong chương trình.

### **2.5.1. Bám sát yêu cầu cần đạt**

Mục tiêu là HS hiểu được các vấn đề liên quan đến bài học bao gồm cả các nội dung có tính lý thuyết. Chúng tôi đề xuất giáo viên bám sát YCCĐ đã được biên soạn cho từng bài. Mỗi bài đều có yêu cầu cần đạt chi tiết và được mô tả ở mức biểu hiện trong sách giáo khoa. Ví dụ: (Bài 11) việc nhận biết được sự mô phỏng thiên nhiên và tạo được mô hình, vận dụng được các bước thiết kế mô hình là quan trọng. Còn sản phẩm cụ thể là Máy bay có thể được thay đổi; (Bài 13) quan trọng nhất là cải tiến đồ dùng cũ để thực hành tiết kiệm. Còn các kỹ thuật trang trí thì học sinh đã được học nhiều.

Giáo viên nên lựa chọn các phương pháp dạy học tích cực để đạt hiệu quả. Các phương pháp phù hợp đã được giới thiệu trong mục 1, phần 2 sách giáo viên Kỹ thuật 8 Cánh Diều. Ví dụ: dạy học trực quan, dạy học hợp tác, dạy học khám phá vì đây là các phương pháp có tính ưu việt, tránh được cách dạy một chiều trước đây. Để đạt mục tiêu học sinh phải có ý tưởng cho bài tập hay sản phẩm cụ thể, giáo viên cần đưa học sinh vào hoàn cảnh có vấn đề theo các kỹ thuật động não, gợi mở, sơ đồ tư duy để kích thích tính sáng tạo. Mục đích là làm sao học sinh bật ra được ý tưởng riêng. Đây là mục đặc biệt mới và quan trọng đối với sách Kỹ thuật 8 Cánh Diều.

### **2.5.2. Khai thác hướng dẫn chi tiết trong sách giáo khoa và sách giáo viên**

Mục tiêu làm sao để học sinh nắm được cách làm trước khi thực hành. Yêu cầu này tưởng đơn giản nhưng thường bị coi nhẹ. Ở cách dạy cũ và một số sách giáo khoa cho thấy quy trình thực hành bị dập khuôn máy móc khiến học sinh bắt chước, làm theo



minh họa mẫu. Chúng tôi đề xuất giáo viên nhất định phải giúp học sinh triển khai được ý tưởng riêng.

Về các hoạt động học tập của học sinh, sách giáo khoa và sách giáo viên đã rõ ràng nên việc triển khai đối với giáo viên là thuận lợi. (Giáo viên tham khảo và cùng trao đổi trong sách giáo khoa).

### 2.5.3. Sử dụng kết hợp các tài nguyên của bộ sách



Sách giáo khoa và Vở thực hành là một cặp song sinh rất thuận tiện cho giáo viên trong dạy học và kiểm tra đánh giá cũng như quản lý chất lượng giáo dục. Giáo viên nên có đủ 3 cuốn sách trên trong quá trình dạy học. Các lợi ích của mỗi liên kết này là:

01. Sử dụng sách giáo viên như là một kế hoạch bài dạy đã có sẵn để liên kết với SGK. GV chỉ cần sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn địa phương và quy định riêng của tổ chuyên môn (nếu có).

02. Sử dụng ngữ liệu phân tích tác phẩm trong sách giáo viên cho các hình ảnh trong sách giáo khoa.

03. Sử dụng sách giáo viên như là tài liệu về khoa học giáo dục, giúp triển khai tốt hơn các dạng bài thi, sáng kiến kinh nghiệm.

04. Vở thực hành là một mẫu phiếu bài tập tuyệt vời cho giáo viên trong dạy học. Giáo viên có thể sử dụng các trang đầu của mỗi bài (như hình dưới) để làm phiếu học tập trong trường hợp học sinh không có khả năng mua Vở thực hành.



**QUAN SÁT - NHẬN THỨC**

1. Hãy viết điều em nhớ nhất về bài học này.

.....

.....

.....

2. Nhận xét về hình và cách sắp xếp họa tiết trong các sản phẩm.



.....

.....

.....

.....

**Tim ý tưởng** 3. Viết hoặc vẽ để mô tả ba bước tìm ý tưởng của em.

**1** Xác định chủ đề trang trí

.....

.....

.....

**2** Chọn họa tiết chính, họa tiết phụ

.....

.....

.....

**3** Xác định vật liệu và đồ dùng thực hành

.....

.....

.....



05. Vở thực hành có thể trở thành sổ liên lạc với phụ huynh và ghi những lời khuyên, động viên, khen thưởng kịp thời để khơi dậy đam mê, phát triển năng khiếu cho học sinh.

**2.6. Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

Nội dung này được giới thiệu và cung cấp trong sách giáo viên khá rõ ràng, các thầy cô xem bảng đặc tả mức độ đánh giá, dùng để xây dựng các tiêu chí hoặc đề kiểm tra đánh giá định kì.

MẠCH NỘI DUNG MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ
<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><b>Yếu tố tạo hình</b></p> <p>– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</p> <p><b>Nguyên lí tạo hình</b></p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>– Thu thập được tư liệu, tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm.</p> <p>– Xác định và thể hiện được điểm nhấn trong thực hành.</p> <p>– Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</p>

<p>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p><b>Thể loại</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Hội hoạ</li> <li>– Đồ hoạ (tranh in)</li> <li>– Điêu khắc</li> </ul> <p><b>Hoạt động thực hành:</b></p> <p><b>Thực hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.</li> <li>– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình</li> </ul> <p><b>Thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật Hiện đại Việt Nam và thế giới.</li> <li>– Mỹ thuật tạo hình và ngành nghề.</li> </ul>	<p>– Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo.</li> <li>– Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mỹ thuật.</li> <li>– Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian,... ở sản phẩm, tác phẩm.</li> <li>– Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách, trào lưu, trường phái nghệ thuật (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...).</li> <li>– Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.</li> <li>– Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm.</li> <li>– Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo.</li> <li>– Vận dụng được phong cách, bút pháp của một số trường phái nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.</li> <li>– Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.</li> <li>– Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá xã hội.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm cùng phong cách, trường phái.</li> </ul>
---	---

	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.</li> <li>– Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip, ... giới thiệu ngành nghề liên quan đến kĩ thuật tạo hình.</li> </ul>
<b>MẠCH NỘI DUNG MĨ THUẬT ỨNG DỤNG</b>	
<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b> Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><b>Yếu tố tạo hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p><b>Nguyên lí tạo hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b>Thể loại</b> Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử kĩ thuật.</li> <li>– Thiết kế công nghiệp.</li> <li>– Thiết kế đồ hoạ.</li> <li>– Thiết kế thời trang.</li> </ul> <p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <p><b>Thực hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> </ul> <p><b>Thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế.</li> <li>– Nhận biết được tác động của khoa học kĩ thuật đối với ngành nghề thiết kế.</li> <li>– Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.</li> <li>– Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm.</li> <li>– Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.</li> <li>– Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm.</li> <li>– Thể hiện được phương hướng chuyển động của hoa văn, hoạ tiết ở sản phẩm.</li> <li>– Phân tích được giá trị thẩm mĩ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p>

<p>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</p> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>– Văn hoá, xã hội.</p> <p>– Nghệ thuật thiết kế hiện đại Việt Nam và thế giới.</p>	<p>– Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai sản phẩm, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích.</p> <p>– Giải thích được tính phổ biến của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm.</p>
---	---

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá định kì (giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2) cần dựa vào Bản đặc tả mức độ đánh giá: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao tương ứng với mỗi mạch nội dung (mĩ thuật tạo hình, mĩ thuật ứng dụng) ở bảng phía trên để lựa chọn làm tiêu chí đánh giá ở mỗi lớp và đảm bảo được một số yêu cầu sau:

– Các mức độ đánh giá được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá là những yêu cầu cần đạt (còn gọi là chuẩn) có vai trò quan trọng ở mỗi mạch nội dung của mỗi lớp trong chương trình. Đó thường là chuẩn làm cơ sở để hiểu/thực hiện được các chuẩn khác.

– Mỗi mức độ đánh giá (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) cần có ít nhất 01 tiêu chí được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá. Nếu cần nhiều hơn 01 tiêu chí ở 01 mức độ đánh giá thì nên cân nhắc lựa chọn mức độ “Vận dụng”. Chú ý việc lựa chọn, sắp xếp các tiêu chí để phù hợp với hướng dẫn đánh giá: Đạt, Chưa đạt, đồng thời lưu ý đến tính phân hóa trong kiểm tra, đánh giá ở mỗi thời điểm cụ thể.

– Các mức độ đánh giá lựa chọn để làm tiêu chí kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với mục đích kiểm tra (củng cố kiến thức, kĩ năng, phát triển tư duy độc lập, khả năng hợp tác và phản biện, thuyết trình, tự luận...); phù hợp với đặc trưng của môn học là chú trọng thực hành, tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm, dự án học tập...) kết hợp trao đổi, chia sẻ, nhận xét.

– Một yêu cầu cần đạt có thể được sử dụng để làm tiêu chí đánh giá tại các thời điểm kiểm tra trong năm học hoặc tại một thời điểm kiểm tra, nhưng cần chú ý đến tính linh hoạt trong trình bày nội dung của yêu cầu cần đạt/tiêu chí đó, để vừa bảo đảm được nội dung cần đánh giá, vừa phù hợp với thời điểm kiểm tra cụ thể.

Dưới đây là các ý chính đã biên soạn trong các bài học, thể hiện rõ yêu cầu về đổi mới kiểm tra đánh giá. Giáo viên có thể nhìn thấy ngay trong mục tiêu bài và các câu hỏi gợi ý trao đổi, thảo luận:

– Với đánh giá chẩn đoán, chúng tôi đã tích hợp trong nội dung khám phá để giáo viên có thể nắm bắt được kiến thức, kĩ năng của học sinh.

– Với đánh giá kết quả, các nội dung quy định về chuẩn bị đồ dùng, nhất là qua hệ thống câu hỏi có chủ đích và các nội dung thảo luận, đánh giá về kết quả sản phẩm của bạn (đánh giá đồng đẳng); tự đánh giá về sản phẩm của bản thân; đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) qua sản phẩm; đánh giá thông qua các phần ôn tập và kiểm

tra theo quy định về đánh giá tổng kết.

– Với đánh giá định tính trong môn mỹ thuật là rất cần thiết. Học sinh và giáo viên có thể tham chiếu các hình ảnh minh họa chuẩn mực để so sánh tương đối. Đồng thời có thể thấy rõ các minh họa gần gũi với học sinh.

– Với đánh giá định lượng, các bài học thiên về kỹ thuật hoàn toàn có khả năng cho kết quả theo thang điểm mà chúng tôi đã thiết lập trong minh họa quy trình cũng như các gợi ý từ sách giáo viên.

– Với đánh giá thành phần, sách chủ trương hướng đến sự tiến bộ của học sinh thay vì đánh giá sản phẩm cuối cùng. Đây là quy trình đánh giá dựa trên thang năng lực Bloom.

Hình thức kiểm tra đánh giá đối với môn mỹ thuật trước đây dựa trên các bài thực hành là chính. Nay các giáo viên có thể thực hiện các bài kiểm tra theo nhiều cách để giúp đánh giá toàn diện 3 nhóm năng lực. Nội dung gợi ý kiểm tra đánh giá được chúng tôi thiết kế trong vở thực hành Mỹ thuật 8. Vở này bao gồm 03 nội dung kiểm tra đánh giá được xác định theo các trang như sau:

+ Trang đầu tiên của mỗi bài (xem ảnh phần 04, mục 2.4.2) giúp giáo viên có thể đánh giá học sinh ở các năng lực: khả năng nắm bắt thông tin; ghi nhớ quy trình thực hành; khả năng xây dựng, hình thành ý tưởng của học sinh thông qua 03 nội dung giúp học sinh dễ dàng hiểu.

+ Trang thứ hai của mỗi bài dành cho học sinh vẽ phác thảo ý tưởng. Trang này ghi lại nội dung và yêu cầu của bài tập trong sách giáo khoa để học sinh hiểu rõ bài tập.

### Trang phác thảo của em

#### 4. Luyện tập

Em hãy thiết kế, tạo dáng và trang trí bộ trang phục áo dài cho bản thân hoặc người thân trong gia đình.

Yêu cầu:

- Thiết kế, tạo dáng bộ trang phục áo dài.
- Sử dụng hoa văn của các dân tộc ít người.
- Trình bày được ý tưởng, cách thực hành thiết kế trang phục.

+ Trang thứ ba là trang trắng để học sinh vẽ, có khung ghi thông tin sản phẩm

Tên sản phẩm: ..... Tên học sinh: .....  
Lớp: ..... Trường: .....



+ Trang cuối cùng của một bài để một ô giúp học sinh ghi thuyết minh, mô tả ý tưởng sản phẩm. Dưới chân trang này có khung tự đánh giá của học sinh, đánh giá của giáo viên.



giáo khoa Mĩ thuật 8. Nội dung các bài cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi đưa ra trong sách giáo khoa và cung cấp thêm quy trình thực hành bài tập khác với sách giáo khoa để giáo viên chọn lựa cho bài dạy phong phú hơn. Bố cục các bài như là mô hình giáo án dành cho giáo viên thông qua các hoạt động dạy-học và một số giáo án minh họa theo quy định hiện hành.

### **3.2. Vở thực hành**

Vở thực hành Mĩ thuật 8 được biên soạn theo sát các bài trong sách giáo khoa. Có đầy đủ 17 bài với các nội dung, quy trình thực hành bài tập cho học sinh. 13 bài trong vở này được thiết kế giống nhau về định dạng, khác nhau về cách tiếp cận dữ liệu theo từng bài. 02 bài thuộc chủ đề hướng nghiệp và 02 bài hoạt động cuối kì được biên soạn khác. Vở đã được tính đến tích hợp công cụ kiểm tra đánh giá theo định hướng phẩm chất, năng lực nên hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Chương trình môn Mĩ thuật 2018.

Vở này đáp ứng 3 mục tiêu lớn. Một là, học sinh dễ dàng thực hiện bài tập trên lớp với đầy đủ các nội dung trong YCCĐ của chương trình. Hai là, trở thành tập lưu trữ bài tập của học sinh như là nhật kí học tập. Ba là, giáo viên dễ dàng sử dụng làm phiếu học tập, công cụ kiểm tra đánh giá và trở thành sổ liên lạc với phụ huynh.

### **3.3. Các tài liệu khác**

– Video minh họa các bài giảng làm cơ sở giúp giáo viên tham khảo trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy. Đó là những video ghi hình lớp dạy trực tiếp trên đối tượng học sinh và giáo viên thực học. Nó không phải là một video mẫu mà là một video có chất lượng bài dạy phù hợp với nội dung và phương pháp dạy học của bộ sách mĩ thuật Cánh Diều.

– Các tài liệu điện tử được cung cấp trên trang chính thức của bộ sách Cánh Diều là miễn phí. Giáo viên có thể xem, sao chép hình ảnh để đưa vào bài soạn trên PowerPoint. Truy cập dễ dàng và được hưởng tài nguyên rộng với mã code trên trang bìa sau của sách giáo khoa. Giáo viên cần trích nguồn đầy đủ theo quy định khi sao chép nội dung.

– Thiết bị dạy học bộ môn: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số: 44/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 03 tháng 11 năm 2020. *Danh mục các thiết bị dạy học tối thiểu môn Nghệ thuật lớp 8 (phần Mĩ thuật)*. (GV có thể tải về trên mạng). Bộ thiết bị dạy học Cánh Diều và Hướng dẫn cách khai thác trong dạy học được thiết kế thêm và phát hành theo quy định của nhà nước.

Những bài soạn trong sách giáo viên có thể giúp các thầy cô triển khai bài dạy khá dễ dàng. Đến nay cơ bản sẽ áp dụng theo CV5512, tuy nhiên tùy mỗi địa phương sẽ có cách áp dụng linh hoạt hơn. Các Thầy Cô tham khảo gợi ý triển khai nội dung dạy học chi tiết trong SGK và lưu ý một số ý ở nội dung tiếp theo.

## **II. MỘT SỐ GỢI Ý TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

### **1. Chuẩn bị trước khi dạy**

Giáo viên xác định nội dung dạy học từ phân phối chương trình nhóm tác giả cung cấp, từ yêu cầu cần đạt trong sách giáo khoa; Khai thác ngữ liệu trong sách giáo khoa,



sách giáo viên, internet cũng như các sách về tác giả, tác phẩm; Chuẩn bị nội dung phiếu học tập dựa/tham khảo Vở thực hành; Chuẩn bị đồ dùng, họa phẩm, phương tiện theo bài; Chuẩn bị các nội dung cần điều chỉnh sau khi dạy ở lớp trước.

## **2. Các lưu ý chung về mục tiêu bài dạy trong sách giáo khoa Mĩ thuật 8 Cánh Diều**

Giáo viên xác định mục tiêu bài dạy trong sách giáo khoa và cụ thể hoá trong sách giáo viên. Về mục tiêu năng lực, giáo viên quan tâm đến năng lực mĩ thuật để HS có được vốn tri thức mĩ thuật đúng đắn, đồng thời không quên các năng lực khác để có kế hoạch đưa yêu cầu và kiểm tra đánh giá.

Ví dụ:

### **BÀI 11 . THIẾT KẾ MÔ HÌNH MÁY BAY**

#### **Môn học: Mĩ thuật, lớp: 8**

*(Thời gian thực hiện: 02 tiết)*

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Năng lực:**

- Trình bày được đặc điểm, hình dáng, cấu tạo, giá trị thẩm mĩ, công năng của sự mô phỏng thiên nhiên trong thiết kế máy bay.
- Phác thảo ý tưởng hình dáng và vẽ mô phỏng được sản phẩm máy bay. Tạo dáng được mô hình máy bay theo phác thảo và trang trí cho sản phẩm.
- Trưng bày, giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn; Vận dụng được quy trình thiết kế mô hình máy bay để làm các mô hình đơn giản khác
- Bài học góp phần hình thành và phát triển năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) thông qua việc HS sưu tầm mô hình, hình ảnh về thiết kế máy bay; chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; trao đổi, thảo luận về nội dung, ý tưởng để tạo sản phẩm thiết kế mô hình máy bay; cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm; Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, họa phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

##### **2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức tham gia thảo luận, thực hành sản phẩm, vận dụng kiến thức, kĩ năng học vào học tập và đời sống hằng ngày.
- Nhân ái : Có ý thức tôn trọng sản phẩm và sự sáng tạo của bạn bè cũng như người khác tạo ra. Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.

#### **2.1. Mục tiêu năng lực**

Bao gồm không chỉ năng lực mĩ thuật mà cả các năng lực chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tùy thuộc mỗi bài, giáo viên xác định rõ các năng lực chung nào có thể hình thành.

#### **2.2. Mục tiêu phẩm chất**

Bao gồm 5 phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm). Tùy theo mỗi bài sẽ giúp hình thành các phẩm chất cho học sinh. Ví dụ trách nhiệm với môi trường, với di sản;...

### **2.3. Yêu cầu sản phẩm và Đánh giá kết quả**

Dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học, việc đánh giá kết quả không chỉ đánh giá trên sản phẩm thực hành mà cần đánh giá toàn bộ các hoạt động, bao gồm cả câu trả lời, thuyết trình về kiến thức, kỹ năng và ứng dụng,... Giáo viên tham khảo SGK để biết phương pháp đánh giá; tham khảo Vở thực hành để biết các hình thức đánh giá,... Làm tốt khâu này, giáo viên sẽ có đánh giá học sinh chính xác, giúp mục tiêu phát triển năng khiếu và hướng nghiệp ở các khối lớp sau được rõ ràng hơn.

## **3. Các bước thực hiện bài dạy**

### **3.1. Hoạt động mở đầu**

Bước này giáo viên rất chủ động vì đã quen với công tác dạy học. Có thể sử dụng bất cứ hình thức nào (trò chơi, ô chữ, câu đố, thơ văn, video,...) để dẫn nhập và tạo hứng thú cho học sinh.

### **3.2. Hình thành kiến thức mới**

– *Quan sát – nhận thức* (là mục Khám phá ở các sách lớp 6, 7) là bước rất quan trọng, là nội dung hiểu biết cần thiết phải hình thành. Nên coi hoạt động này giống với thường thức mỹ thuật trước đây. Giáo viên đặt mục tiêu cho học sinh xem tranh và phát biểu suy nghĩ để thực hiện nội dung dạy học trong sách giáo khoa. Phần này ngữ liệu sách giáo khoa và sách giáo viên đã có gợi ý chi tiết bằng hệ thống câu hỏi. Giáo viên có thể soạn các câu hỏi khác (nếu muốn) nhưng nhớ bám sát yêu cầu cần đạt.

+ *Tìm ý tưởng* là hoạt động rất có ý nghĩa đối với môn mỹ thuật, giúp học sinh có thói quen suy nghĩ trước khi thực hành sản phẩm, chủ động suy nghĩ và nêu ra ý tưởng dựa trên khả năng của bản thân, dự kiến sản phẩm trong đầu và sẵn sàng trình bày nếu được giáo viên mời giáo viên cần khơi mở cho học sinh các ý tưởng độc đáo, không nên quan tâm nhiều đến tính khả thi để học sinh thoải mái mơ ước. Giáo viên có thể sáng tạo theo cách riêng về ba bước tìm ý tưởng. Tuy nhiên chúng tôi lưu ý rằng mục tiêu tìm ý tưởng là hình thành ở học sinh thói quen tư duy sáng tạo, tốt cho năng lực hiểu biết về lý thuyết, tư duy phản biện.

+ *Thực hành* là khâu giáo viên hướng dẫn cho học sinh cách làm. Tuy vậy sách giáo khoa cũng đã minh họa khá đơn giản nên học sinh có thể tự hiểu được quy trình. Giáo viên có thể hướng dẫn cách thực hành khác (nếu muốn) nhưng cần bám sát yêu cầu của bài. Trong quá trình giới thiệu, hướng dẫn, học sinh có thể làm theo (để nắm quy trình kỹ thuật), không cần hoàn thành sản phẩm, không lấy sản phẩm để đánh giá. Hoặc học sinh có thể chỉ nghe, hình dung và trao đổi.

+ *Thảo luận* là khâu hình thành kiến thức hiểu biết về lí luận, lí thuyết, nên thực hiện ở tất cả các hoạt động và chú trọng ở phần trình bày về sản phẩm sáng tạo mới.

### **3.3. Luyện tập**

Là phần giao bài tập và học sinh tự thực hiện bài trên lớp. Vì đã được giới thiệu quy trình nên học sinh sẽ tự thực hiện bài mà không có các bước quy trình minh họa theo (khác với cách dạy cũ). Yêu cầu của bài tập có thể được bổ sung, điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tiễn địa phương. Nếu yêu cầu được bổ sung, giáo viên cần nêu thật rõ ràng.

### **3.4. Ứng dụng**

Phần này có 2 mục tiêu gồm: ứng dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn và sử dụng sản phẩm vào cuộc sống. Giáo viên giúp học sinh liên hệ kiến thức vào thực tiễn theo hướng áp dụng cho các sản phẩm, bài học khác, áp dụng vào các môn học khác. Với sản phẩm, giáo viên gợi ý học sinh đưa vào cuộc sống (trang trí, quà tặng,...). Trong phần này, cũng cần liên hệ để giáo dục các phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

### III. MINH HOẠ KẾ HOẠCH BÀI DẠY (giáo án) <sup>2</sup>

#### Chủ đề: Mĩ thuật hiện đại

#### Bài 6. TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI (3 tiết)

##### I. MỤC TIÊU

###### 1. Năng lực

###### *Năng lực mĩ thuật*

- Nhận biết được đặc điểm của một số trường phái, tác giả, tác phẩm điển hình của nghệ thuật hiện đại thế giới.
- Hiểu được cách vẽ và thực hành được bức tranh theo phong cách hội họa hiện đại.
- Giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
- Biết trân trọng các giá trị của nghệ thuật hiện đại.

###### *Các năng lực khác*

Bài học góp phần hình thành và phát triển năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) thông qua một số biểu hiện sau:

- Suu tầm tranh, ảnh về nghệ thuật hiện đại thế giới.
- Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.
- Trao đổi, thảo luận về nội dung, ý tưởng để tạo sản phẩm theo phong cách hội họa hiện đại thế giới; cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, hoạ phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

###### 2. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS một số phẩm chất như:

- Chăm chỉ: Có ý thức tham gia thảo luận, thực hành sản phẩm, vận dụng kiến thức, kĩ năng học vào học tập và đời sống hằng ngày.
- Yêu nước: Biết trân trọng giá trị di sản nghệ thuật của nhân loại.

##### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Giáo viên:** SGK Mĩ thuật 8, Mĩ thuật 8 – SGK; tranh, ảnh về nghệ thuật hiện đại thế giới; sản phẩm tạo hình của HS theo phong cách nghệ thuật hiện đại thế giới.

**2. Học sinh:** SGK Mĩ thuật 8, Vở thực hành Mĩ thuật 8; màu vẽ, giấy, bút chì,...

##### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

###### Hoạt động 1. Mở đầu (khoảng 10 phút)

###### *a. Mục tiêu*

---

<sup>2</sup> Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT

HS nêu được sự khác nhau giữa một số tác phẩm hội hoạ hiện đại và tác phẩm hội hoạ thời Phục hưng, giới thiệu bài học.

#### *b. Tổ chức thực hiện*

– GV giao HS nhiệm vụ quan sát một số bức tranh của thời kì Phục hưng như: *Mona Lisa* (Leonardo de Vinci), *Sự ra đời của thần Vệ nữ* (Botticelli) và một số tác phẩm hội hoạ hiện đại như: *Đêm đầy sao* (Vincent van Gogh), *Guernica* (Picasso) và nêu sự khác nhau về tác phẩm của hai giai đoạn này.

– HS thực hiện nhiệm vụ quan sát tranh và trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV. GV quan sát, điều hành.

– GV tổ chức báo cáo: GV chọn từ 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kết luận: Tác phẩm thời kì Phục hưng và thời kì nghệ thuật hiện đại có sự khác nhau rất rõ về phong cách. Tranh thời kì Phục hưng mang vẻ đẹp cổ điển, hài hoà, chuẩn mực về ánh sáng, màu sắc, bố cục; trong khi đó, tranh hiện đại có lối tạo hình mang phong cách riêng biệt, đem lại hiệu ứng khác nhau về hình khối, màu sắc, ánh sáng, gây ấn tượng mạnh với công chúng. Các nghệ sĩ hiện đại thể nghiệm với những cách nhìn mới và với những ý tưởng mới về bản chất vật liệu và các chức năng của nghệ thuật. Nhiều trường phái nghệ thuật ra đời trong đó có thể kể đến các trường phái hội hoạ như: Ấn tượng, Lập thể, Dã thú, Siêu thực, Trừu tượng,... Bài học này sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu về một số trường phái, tác giả, tác phẩm điển hình của nghệ thuật hiện đại thế giới, đồng thời giúp các em hiểu được cách vẽ và thực hành được bức tranh theo phong cách hội hoạ hiện đại.

### **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới (khoảng 75 phút)**

#### **2.1. Quan sát – Nhận thức (khoảng 60 phút)**

##### *a. Mục tiêu*

Trình bày được đặc điểm của trường phái nghệ thuật Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện thông qua một số tác phẩm tiêu biểu.

##### *b. Tổ chức thực hiện*

– GV giao HS nhiệm vụ quan sát tranh ở các trang 23, 24, 25 SGK và cho biết:

+ Bố cục, đường nét và màu sắc được thể hiện trong tranh.

+ Nét đặc trưng trong các phong cách nghệ thuật được thể hiện trong mỗi bức tranh.

+ Cảm nhận của em về tác phẩm.

+ Đặc điểm của trường phái nghệ thuật Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện.

*Lưu ý:* Có thể giao nhiệm vụ cho nhóm HS tìm hiểu tác phẩm, trường phái nghệ thuật.

– HS quan sát tranh, thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành.

– GV tổ chức báo cáo, chia sẻ, thảo luận: chọn từ 2 – 3 HS hoặc 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung; đồng thời gợi ý cho HS chia sẻ thêm cảm nhận, hiểu biết về các trường phái nghệ thuật Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện mà em biết.

– GV kết luận: Hội họa Ấn tượng là bước ngoặt quan trọng chuyển từ hội họa cổ điển sang nền mỹ thuật của thế kỉ XX. Các bức tranh hội họa Ấn tượng có chủ đề về cuộc sống đương đại, sinh hoạt thành thị với màu sắc trong trẻo, thể hiện không gian, ánh sáng sinh động. Chính điều này đã đem tới cho các bức tranh vẽ đẹp rực rỡ, chân thực, cảm xúc. Các họa sĩ Ấn tượng rất thích vẽ ngoài trời, đa số họ ưa chuộng việc thông qua màu sắc, ánh sáng ghi lại những khoảnh khắc chân thực của cuộc sống. Sau khi trường phái Ấn tượng ra đời, cánh cửa sáng tạo đã mở rộng và xuất hiện nhiều trường phái hội họa với các họa sĩ điển hình như: Dã thú (Matisse), Biểu hiện (Munch), Lập thể (Braque, Picasso,...), Siêu thực (Dalí), Trừu tượng (Pollock, Rothko,...). Các trường phái nghệ thuật mới không chỉ xuất hiện trong hội họa mà cả trong điêu khắc, kiến trúc cũng như các loại hình nghệ thuật khác.

Trường phái Lập thể (Cubism) ra đời tại Pháp những năm đầu thế kỉ XX, các họa sĩ đã dựa trên cơ sở của hình học để diễn tả cảnh vật, con người,... Họ muốn đi tìm một cách diễn tả mới thoát khỏi sự lệ thuộc đối tượng miêu tả để tìm ra các hình thể cơ bản nhất, bản chất nhất của sự vật. Tác phẩm thể hiện các hướng nhìn khác nhau cùng một lúc của vật thể ba chiều trên không gian hai chiều trong bức tranh, có thể kết hợp cùng lúc đa dạng các chất liệu.

Trường phái Biểu hiện (Expressionism) xuất hiện và phát triển ở châu Âu vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đặc điểm của trường phái Biểu hiện là nhấn mạnh sự thể hiện cảm xúc của chủ thể hoặc cảm xúc của chính họa sĩ bằng lối diễn tả hình, màu sắc mạnh mẽ. Trường phái này phát triển ở nhiều nước, nổi bật nhất là ở Đức khi một nhóm các nghệ sĩ Đức do Ernst Ludwig Kirchner đứng đầu thành lập hiệp hội có tên là Die Brücke (Cây cầu).

– **Gợi ý phân tích một số tác phẩm:**

**Ấn tượng, mặt trời mọc – Tranh sơn dầu của họa sĩ Claude Monet**

Bức tranh thể hiện một buổi bình minh trên cảng Le Havre, được vẽ một cách nhanh chóng, sử dụng các màu bổ túc cam và xanh dương tương phản nhau. Chỉ với vài chi tiết, Monet đã thể hiện được một khoảnh khắc thoáng qua trong phút chốc, sử dụng bút pháp giản lược, màu sắc tươi sáng và khắc họa những hiệu ứng ánh sáng tại một thời điểm ngắn ngủi. Cảnh tượng mờ ảo không có chi tiết nào rõ rệt trong màn sương và những nét vẽ trông có vẻ lộn xộn hoàn toàn khác biệt so với vẻ đẹp cổ điển, được lí tưởng hoá ở những bức tranh phong cảnh thường thấy. Monet đã phá vỡ truyền thống bằng cách thể hiện những đề tài đương đại và thường vẽ ở ngoài trời nhằm nắm bắt được tính bất định của thiên nhiên. Ông đã thành công trong việc

thể hiện những khoảnh khắc thoáng qua, các hiệu ứng ánh sáng với màu sắc rực rỡ ấn tượng và những nét cọ nhanh chóng.

#### **Guernica (1937) – Tranh sơn dầu của họa sĩ Pablo Picasso**

Bức tranh hoàn thành vào năm 1937, tại nhà của ông ở Paris và hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Reina Sofia ở Madrid. Bức tranh được sáng tác để phản ứng lại vụ ném bom Guernica, một ngôi làng Basque Country ở miền bắc Tây Ban Nha. Tác phẩm chỉ sử dụng các màu đen, trắng, xám miêu tả cảnh tượng ảm đạm, u buồn của một đất nước đang trong thời kì chiến tranh. Chủ đề chính toát lên từ toàn bộ bức tranh là sự hỗn loạn của cái chết. Một chiếc đầu lâu như một phần thân con ngựa, một người lính chết nằm ngay dưới chân ngựa. Bức tranh được vẽ với những hình ảnh xen lẫn nhau, chồng lấn lên nhau. Những khuôn mặt trong tranh đều mang sắc thái kinh hoàng. Phía trái bức tranh, một phụ nữ bế đứa con đã bị giết chết, gào khóc thê thảm, ngược nhìn bỏ sót và trời cao. Nhân vật trung tâm của bức tranh là con ngựa – biểu tượng của nhân dân Tây Ban Nha và con bò tót – biểu tượng của sức mạnh nhân dân bị chuyển thành bạo lực phi nghĩa. Tác phẩm được nhiều nhà phê bình nghệ thuật coi là một trong những bức họa chống chiến tranh mạnh mẽ nhất trong lịch sử. Bức tranh cho thấy sự đau khổ của những con người phải chịu nỗi thống khổ bởi bạo lực và hỗn loạn, vạch trần thực tế chiến tranh chính là một hành động hung ác, tàn bạo. Picasso đã chia sẻ: “Trong tác phẩm *Guernica*, tôi thể hiện nỗi căm hờn, ghê tởm của tôi đối với giới quân phiệt, chúng đang nhấn chìm nước Tây Ban Nha xuống đáy đại dương của sự khốn cùng và chết chóc”.

#### **Tiếng thét (1893) – Tranh sơn dầu, màu keo và phấn màu trên giấy bồi của họa sĩ Edvard Munch**

*Tiếng thét (The Scream)* là một bức tranh theo trường phái biểu hiện của danh họa người Na Uy Edvard Munch. Tác phẩm được thực hiện vào khoảng từ năm 1893 đến năm 1910. Nhân vật chính giữa bức tranh là một nhân vật ôm đầu đầy âu lo tuyệt vọng, như thể đang cất lên tiếng thét ai oán, cầu cứu. Phía sau người đó là phong cảnh bầu trời hoàng hôn đỏ rực với những mảng màu tương phản. Bức tranh khiến cho người xem cảm thấy sợ hãi, ám ảnh và cũng vô cùng tò mò. Họa sĩ đã biểu hiện mạnh nhất, nhanh nhất cảm xúc mạnh mẽ, tức thời của mình đồng thời gây ấn tượng mạnh với công chúng qua ngôn ngữ đường nét, màu sắc, bố cục của tranh. Đường chéo và đường uốn lượn trong tranh mang cảm giác nghiêng ngả, không cân bằng, nét vung mạnh mẽ, màu sắc chói gắt. Munch viết trong nhật kí của mình: “Ta nghe thấy tiếng thét và vẽ bức tranh này, vẽ những đám mây như thể mang màu máu. Màu sắc làm nên tiếng thét inh tai”. Là một trong những bức tranh nổi tiếng nhất của thời kì nghệ thuật hiện đại, *Tiếng thét* thể hiện sự lo lắng và đau khổ về

tình thần của con người trong cuộc sống. Theo New York Times: "Tác phẩm đã trở thành một biểu tượng của nỗi đau hiện sinh và được gọi là Mona Lisa của nghệ thuật hiện đại".

## **2.2. Tìm ý tưởng và hướng dẫn thực hành** (khoảng 15 phút)

### **a. Mục tiêu**

HS trình bày được ý tưởng cho tranh vẽ theo phong cách hội họa nghệ thuật hiện đại; nắm được cách vẽ tranh theo phong cách Lập thể.

### **b. Tổ chức thực hiện**

– GV giao HS nhiệm vụ quan sát các bước tìm ý tưởng sáng tạo ở trang 26 SGK, trình bày ý tưởng về phong cách vẽ tranh của nghệ thuật hiện đại.

– HS thực hiện nhiệm vụ tìm ý tưởng cho sản phẩm:

+ Xác định nội dung, chủ đề.

+ Chọn hình ảnh và phong cách vẽ.

+ Xác định phương pháp thực hành.

– GV quan sát, điều hành.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận, kết luận:

+ Chọn từ 3 – 4 HS trình bày ý tưởng về bức tranh của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, chia sẻ các ý kiến của mình.

– GV cho HS thảo luận, chia sẻ về cách thực hành tạo sản phẩm.

– GV kết luận: Tùy theo sở thích, cảm hứng của cá nhân mà HS có thể lựa chọn tạo các nội dung khác để vẽ tranh; dựa vào nội dung của tranh, xác định được phương pháp thực hành phù hợp với nội dung tranh. Cần chú ý đặc trưng về phong cách vẽ của mỗi trường phái để có thể vẽ được bức tranh mang đúng phong cách đã lựa chọn.

– GV hướng dẫn HS cách vẽ tranh tĩnh vật màu theo phong cách của hội họa Lập thể.





+ *Bước 1:* Vẽ phác bố cục và khung hình cho vật mẫu (vẽ phác hình không đậm quá hoặc không nhạt quá để thuận lợi cho việc vẽ màu).

+ *Bước 2:* Dựng hình và sáng tạo các mảng (có thể vẽ nét viền để tạo hình và phân chia mảng khi vẽ tranh).

+ *Bước 3:* Vẽ màu khái quát tạo hoà sắc chung (nên lưu ý đến cách chia và bố trí hình mảng, màu sắc sao cho chúng không bị đều nhau).

+ *Bước 4:* Vẽ kỹ, điều chỉnh màu sắc để hoàn thiện sản phẩm.



			
1	2	3	4

– GV cho HS quan sát thêm một số sản phẩm tranh vẽ theo một số phong cách khác để HS hiểu thêm về cách thực hành sản phẩm trước khi luyện tập.

### **Hoạt động 3. Luyện tập** (khoảng 45 phút)

#### *a. Mục tiêu*

HS vẽ được bức tranh theo phong cách nghệ thuật yêu thích; HS trưng bày, giới thiệu, nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình, của bạn.

#### *b. Tổ chức thực hiện*

– GV giao HS nhiệm vụ vẽ một bức tranh tĩnh vật theo phong cách nghệ thuật yêu thích (ví dụ: phong cách Ấn tượng, phong cách Lập thể,...).

– Yêu cầu:

- + Bức tranh cần có những dấu hiệu hay đặc điểm của phong cách nghệ thuật đã chọn.
- + Bố cục cân đối, màu sắc hài hoà.

– HS thực hiện nhiệm vụ sản phẩm thực hiện cá nhân. GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận, kết luận và yêu cầu HS thông báo mức độ hoàn thành sản phẩm của HS tại chỗ.

– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm, gợi ý HS chia sẻ về sản phẩm:

- + Em vẽ theo phong cách nghệ thuật nào?
- + Bố cục, đường nét, màu sắc được thể hiện trong tranh.
- + Điểm sáng tạo trong sản phẩm của em, của bạn.
- + Em thích tranh của bạn nào nhất? Vì sao?
- + Suy nghĩ của em về một số trường phái nghệ thuật hiện đại.

– GV cho từ 5 – 6 HS chia sẻ về sản phẩm, các HS khác cùng thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm của lớp.

– GV nhận xét, đánh giá sản phẩm và phần chia sẻ của HS; thông qua đó, giáo dục HS biết trân trọng giá trị nghệ thuật hiện đại mang lại đối với nghệ thuật nói riêng và xã hội nói chung.

### **Hoạt động 4. Ứng dụng** (khoảng 5 phút)

#### *a. Mục tiêu*

HS ứng dụng được kiến thức, sản phẩm của bài học vào cuộc sống.

*b. Tổ chức thực hiện*

- GV giao HS nhiệm vụ chia sẻ ứng dụng theo gợi ý:
- + Vận dụng sản phẩm tranh vẽ theo phong cách nghệ thuật hiện đại vào cuộc sống.
- + Tạo sơ đồ tư duy về nghệ thuật hiện đại để liên kết nội dung học tập với môn học khác.
  - HS thực hiện nhiệm vụ chia sẻ theo gợi ý. GV quan sát, điều hành.
  - GV tổ chức báo cáo chọn từ 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung.
  - GV nhận xét, kết luận:
    - + Có thể áp dụng kiến thức của bài học để vẽ thêm các bức tranh theo phong cách nghệ thuật hiện đại, có thể sử dụng sản phẩm tranh vẽ để trang trí không gian sinh hoạt hay như một món quà tặng ý nghĩa.
    - + Kỹ thuật tạo hình và dùng màu của các trường phái hội họa có thể áp dụng thực hiện trang trí trên các vật dụng trong không gian sống.
    - + Sử dụng sơ đồ tư duy sẽ hệ thống hoá được các kiến thức khoa học hơn, dễ ghi nhớ hơn.
      - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và chuẩn bị trước vật liệu, dụng cụ cho bài học tiếp theo.

## **VI: VÍ DỤ XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

### **1. Đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ đánh giá nội dung kiểm tra cuối kì 1, lớp 8**

<b>Nội dung kiểm tra: Mĩ thuật ứng dụng</b>	
<b>Đơn vị kiến thức</b>	<b>Mức độ đánh giá</b>
<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p><b><i>Thể loại</i></b> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mĩ thuật – Thiết kế công nghiệp – Thiết kế đồ họa – Thiết kế thời trang</p> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b> <i>Thực hành</i></p>	<p><b>Nhận biết:</b> – Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm. – Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b><i>Định hướng chủ đề</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật thiết kế Hiện đại Việt Nam và thế giới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo.</li> </ul>
---	--

## 2. Đề kiểm tra cuối kì 1, lớp 8

### ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

Môn: Mĩ thuật lớp 8

(Thời gian 45 phút)

#### a) Nội dung đề

**Câu 1:** Em hãy thiết kế, tạo dáng và trang trí một sản phẩm thời trang (áo dài/váy/áo,...) có sử dụng hoa văn của một số dân tộc ít người.

#### Yêu cầu:

- Hình thức tạo hình: 2D (có thể kết hợp vẽ với in hoặc xé dán).
- Chất liệu: Tự chọn.
- Kích thước: Khổ giấy A4 hoặc A3.

**Câu 2:** Viết một số thông tin giới thiệu về sản phẩm trong bài tập của em bao gồm: tên sản phẩm, ý tưởng, cách thực hành thiết kế, loại hoa văn đã sử dụng, điểm nhấn của sản phẩm.

#### 3. Hướng dẫn đánh giá nội dung kiểm tra và xếp loại (phiếu đánh giá theo tiêu chí)

Năng lực mĩ thuật	Nhận biết (20%)	Thông hiểu (25%)	Vận dụng (40%)	Vận dụng cao (15%)
<b>Quan sát và nhận thức</b>	Thể hiện được hiểu biết về đặc điểm trang phục, ý tưởng thiết kế trang phục.	Thể hiện được ý tưởng thiết kế trang phục phù hợp với đối tượng sử dụng.	Thể hiện được việc vận dụng hoa văn truyền thống của một số dân tộc ít người trên sản phẩm thiết kế.	Thể hiện được việc lựa chọn bố cục tạo sự hài hoà trên sản phẩm, lựa chọn chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm thiết kế phù hợp với đối tượng sử dụng.
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)
<b>Sáng tạo và ứng dụng</b>	Lựa chọn được ý tưởng sáng tạo sản phẩm thiết kế trang phục phù hợp với yêu cầu.	Lựa chọn được kiểu dáng, hoạ tiết, màu sắc phù hợp với đối tượng sử dụng.	Tạo dáng và trang trí được trang phục có vận dụng hoa văn truyền thống của một số dân tộc ít người.	Tạo dáng và trang trí được trang phục hài hoà, có chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm thiết kế, có vận dụng hoa văn truyền thống phù hợp với đối tượng sử dụng.
	(10%)	(15%)	(30%)	(15%)

<b>Năng lực mĩ thuật</b>	<b>Nhận biết (20%)</b>	<b>Thông hiểu (25%)</b>	<b>Vận dụng (40%)</b>	<b>Vận dụng cao (15%)</b>
<b>Phân tích và đánh giá</b>	Thể hiện được hiểu biết về yêu cầu giới thiệu sản phẩm thiết kế trang phục.	Thể hiện được một số thông tin giới thiệu về sản phẩm thiết kế trang phục.	Viết được thông tin giới thiệu sản phẩm thiết kế theo yêu cầu của đề kiểm tra.	Phân tích được giá trị thẩm mĩ, giá trị sử dụng của sản phẩm thiết kế; kinh nghiệm trong thực hành, sáng tạo thiết kế sản phẩm
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)
<b>XẾP LOẠI</b>	<b>Mức Chưa đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá < (50%)			
	<b>Mức đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá $\geq$ 50%			

*Lưu ý: Tỷ lệ % trong các cột ở trên chỉ nhằm quy ước một cách tương đối cho mức độ đạt được của các nội dung đánh giá và thành phần năng lực của môn học, làm rõ hơn trong số mức độ đánh giá và thành phần năng lực.*